

Bản án số: 169/2024/DS-PT

Ngày: 10-4-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng chuyển  
nhượng quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Diệp.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân;

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phó, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số số 55/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 v/v “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”; do Bản án Dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 90/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1971; nơi cư trú: Tổ E, ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; hiện trú tại: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Mai Thị Kim H, sinh năm: 1960; nơi cư trú: Khu phố D, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, (theo văn bản ủy quyền ngày 20/6/2022), có mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị Linh P, sinh năm: 1982 và ông Nguyễn Phi V, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: anh Đặng Minh T, sinh năm: 1980; HKTT: Lộc Trung, L, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: hẻm G, đường P, khu phố L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 22/12/2022), có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Phi L, sinh năm: 1970; nơi cư trú: tổ D, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2/ Bà Vũ Thị Thúy K, sinh năm 1975, vắng mặt.

3/ Chị Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 2001, vắng mặt.

4/ Chị Vũ Thị Thúy C, sinh năm 1995, có mặt.

Cùng HKTT: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh và hiện trú tại: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn M; ông Nguyễn Phi V, bà Lê Thị Linh P và ông Nguyễn Phi L.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 16/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và đại diện hợp pháp của ông M là bà Mai Thị Kim H thống nhất trình bày:*

Ngày 22/4/2019 (âm lịch), ông M và ông Nguyễn Phi L thỏa thuận sang nhượng 01 phần đất diện tích 1.000 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh và nhà trên đất, giá sang nhượng là 370.000.000 đồng, có lập giấy tay sang nhượng. Phần đất này do ông Nguyễn Phi V và bà Lê Thị Linh P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đồng ý ủy quyền lại cho ông L thực hiện việc chuyển nhượng. Các bên thỏa thuận miệng khi nào ông M trả đủ tiền, ông V, bà P sẽ ký tên công chứng hợp đồng chuyển nhượng.

Ông M đã thanh toán cho ông L nhiều lần, tổng cộng 368.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 22/4/2019 (âm lịch), đặt cọc 68.000.000 đồng (thỏa thuận số tiền đặt cọc là 70.000.000 đồng, ông L đồng ý bớt cho ông M 2.000.000 đồng), các bên làm giấy sang nhượng đất và nhận cọc.

- Ngày 06/6/2020, giao 150.000.000 đồng, ông L ký nhận tiền.

- Ngày 04/8/2020, giao số tiền còn lại 150.000.000 đồng, không làm giấy giao tiền, nhưng sau đó ông L có đưa Tờ cam kết đất không tranh chấp do ông V, bà P ký tên.

Ông M đã được ông L, ông V giao quản lý sử dụng nhà và đất này từ ngày 06/6/2020 đến nay.

Nay ông M khởi kiện yêu cầu lưu thông hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và ông V, bà P đối với phần đất tranh chấp, qua đo đạc thực tế có diện tích 1.082,2 m<sup>2</sup> thửa 85, tờ bản đồ 20B do ông V, bà P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M.

Trong trường hợp yêu cầu thực hiện hợp đồng chuyển nhượng của ông M không được chấp nhận, ông M yêu cầu ông L, ông V và bà P có trách nhiệm trả lại số

tiền gốc đã nhận 368.000.000 đồng và tiền chênh lệch giá trị thực tế là 366.932.000 đồng, tổng cộng 734.932.000 đồng.

*Đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Đặng Minh T trình bày:*

Do điều kiện đi làm ăn xa, nên ông V, bà P giao cho ông L đứng ra thỏa thuận sang nhượng cho ông M phần đất tranh chấp và nhà gắn liền trên đất do ông V, bà P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như ông M trình bày. Ngày 04-8-2020, ông V, bà P có ký Tờ cam kết đồng ý với các thỏa thuận như Giấy tay sang nhượng đất ông L và ông M đã ký và cam kết đất không tranh chấp. Ông M có trách nhiệm làm hồ sơ chuyển nhượng và giao đủ tiền 368.000.000 đồng, ông V, bà P có trách nhiệm ký tên sang nhượng phần đất và nhà trên đất. Vợ chồng ông V đã giao nhà đất cho ông M từ sau khi ông L nhận tiền cọc do ông M không có nhà ở và đã nhiều lần ra công chứng hợp đồng chuyển nhượng nhưng ông M không chịu giao số tiền còn lại 150.000.000 đồng, chỉ mới trả được 218.000.000 đồng nên ông V, bà P không đồng ý ký hợp đồng chuyển nhượng. Ngày 03/5/2021, ông M có mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc trả lại cho ông L, không đồng ý tiếp tục mua bán do không làm giấy tờ được nhưng không đồng ý trả lại nhà, đất cho ông V, bà P.

Nay ông V, bà P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông M, yêu cầu gia đình ông M hoàn trả nhà, đất tranh chấp cho ông V, bà P. Ông L có nghĩa vụ trả ông M số tiền đã nhận 218.000.000 đồng.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Phi L trình bày:*

Được sự đồng ý của ông V, bà P, ông đã thỏa thuận sang nhượng cho ông M phần đất và nhà trên đất như ông M trình bày, có ký giấy tay sang nhượng đất. Ông đã nhận tiền của ông M 02 lần tổng cộng 218.000.000 đồng, có ký giấy nhận tiền. Từ đó đến nay ông M vẫn không trả số tiền 150.000.000 đồng còn lại nên ông V, bà P không ký hợp đồng chuyển nhượng. Nay ông yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông M và ông. Ông đồng ý trả lại số tiền đã nhận 218.000.000 đồng, ông M phải trả lại nhà, đất tranh chấp cho ông V, bà P.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Vũ Thị Thúy K trình bày:*

Việc sang nhượng đất tranh chấp do chồng bà là ông M trực tiếp đứng ra giao dịch, bà không có ý kiến, mọi việc do chồng bà quyết định. Vợ chồng bà cùng các con là cháu Nguyễn Thị Hồng Đ và Vũ Thị Thúy C đi làm công nhân cạo mũ thuê thường ở lại vườn cao su thỉnh thoảng thay phiên nhau về ở trên nhà, đất tranh chấp. Từ khi vào ở trên đất đến nay vẫn giữ nguyên hiện trạng tài sản như khi được ông L giao không tôn tạo, sửa chữa tài sản tranh chấp.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:*

Cha chị là ông Nguyễn Văn M trực tiếp đứng giao dịch với ông V, ông L, chị không biết gì về giao dịch giữa các bên. Hiện chị đang sống cùng ba mẹ trên nhà đất tranh chấp. Chị không có đóng góp gì trong số tiền mua bán và không làm thay đổi hiện trạng nhà, đất tranh chấp so với lúc được ông L giao. Chị không có ý kiến đối

với tranh chấp giữa các bên nếu Tòa án buộc giao trả đất cho bên bán thì chị cũng đồng ý di dời đi, do đây không phải tài sản của chị.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – chị **Vũ Thị Thúy C** trình bày:*

Thông nhất ý kiến với chị **Đ**, nhà đất tranh chấp do ba mẹ chị mua, chị không liên quan, hiện chị đang ở trên đất cùng ba mẹ. Chị không có ý kiến, mọi vấn đề do ba mẹ chị quyết định. Từ khi vào ở trên đất đến nay vẫn giữ nguyên hiện trạng tài sản như khi được ông **L** giao không sửa chữa, thay đổi gì.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

Căn cứ Điều 117, 122, 129, 131, 288, 502 của Bộ luật Dân sự; Điều 167, 188 của Luật Đất đai; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn M** đối với ông **Nguyễn Phi V**, bà **Nguyễn Thị Linh P1** về tranh chấp “hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.**

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông **Nguyễn Văn M** và ông **Nguyễn Phi V**, bà **Nguyễn Thị Linh P1**, ông **Nguyễn Phi L** đối với phần đất diện tích 1082,2 m<sup>2</sup> thuộc các thửa 85, 90 tờ bản đồ 20B và nhà trên đất, tọa lạc tại ấp **T**, xã **T**, huyện **T**, tỉnh **Tây Ninh** là vô hiệu.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn M** về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại, ông **Nguyễn Phi V**, bà **Nguyễn Thị Linh P1**, ông **Nguyễn Phi L** có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông **Nguyễn Văn M** số tiền 218.000.000 đồng và bồi thường cho ông **M** số tiền 108.713.500 đồng, tổng cộng 326.713.500 (ba trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm mười ba nghìn năm trăm) đồng.

Ông **M**, bà **K**, chị **Đ** và chị **C** có trách nhiệm di dời trả lại nhà đất tranh chấp nêu trên cho ông **V**, bà **P1** trong thời hạn 03 tháng (ba tháng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành án xong số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

**Nội dung kháng cáo:** Theo đơn kháng cáo đề ngày 08 tháng 01 năm 2024 của các ông **Nguyễn Văn M** yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 19 tháng 01 năm 2024 anh **Đặng Minh T** (đại diện cho ông **Nguyễn Phi V**, bà **Lê Thị Linh P**) và ông **Nguyễn Phi L** có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và ông Nguyễn Phi V, bà Lê Thị Linh P đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất khoảng 1.000m<sup>2</sup> và căn nhà trên đất. Ông M được quyền quản lý sử dụng đất, sở hữu ngôi nhà trên đất và có trách nhiệm thanh toán cho ông V, bà P số tiền 280.000.000 đồng. Nhận thấy sự thỏa thuận các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử, công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự; sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Sau khi Tòa án nhân dân huyện Tân Biên xét xử sơ thẩm ngày 25-12-2023 anh Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo ngày 08-01-2024; cùng ngày 19-01-2024 anh Nguyễn Phi L và anh Đặng Minh T có đơn kháng cáo; có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm; Xét thấy việc kháng cáo của các đương sự là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Về hình thức hợp đồng chuyển nhượng: ông M, ông V, bà P và ông L có thỏa thuận sang nhượng phần đất diện tích 1.000m<sup>2</sup> qua đo đạc thực tế là 1082,2 m<sup>2</sup> thuộc các thửa 85, 90 tờ bản đồ 20B và nhà trên đất, từ khi giao kết hợp đồng đến nay các bên chỉ làm “Giấy sang nhượng” và “Tờ cam kết” viết tay có chữ ký của các bên là chưa tuân thủ quy định về hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại các Điều 502 Bộ luật Dân sự, Điều 167 Luật Đất đai.

[2.2] Về nội dung hợp đồng:

Tại các giấy tay sang nhượng đất thể hiện ông M và ông V, ông L thỏa thuận sang nhượng phần đất diện tích 1.000 m<sup>2</sup> và nhà trên đất, qua đo đạc thực tế có diện tích 1.082,2 m<sup>2</sup> thuộc các thửa 85, 90 tờ bản đồ 20B, theo bản đồ chính qui là thửa 90 tờ bản đồ 19, có tứ cận: Đông giáp thửa đất 103 của bà Nguyễn Thị H1, dài 108,51 mét; tây giáp thửa đất 91 của bà Nguyễn Thị L1, dài 107,24 mét; nam giáp thửa đất 176 của bà Trần Thị H2, dài 10,35 mét; bắc giáp đường nhựa, dài 10,51 mét. Trong đó ông V, bà P được cấp giấy diện tích 750 m<sup>2</sup>, còn lại diện tích 332,2 m<sup>2</sup> chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 90, tờ bản đồ 19. Tuy nhiên, phần

đất tặng thêm ông **V**, bà **P** có kê khai biến động và ông **M** và bà **K** đã nhận nhà, đất sử dụng từ ngày 06-6-2020 ổn định cho đến nay không có ai tranh chấp.

Về thực hiện nghĩa vụ thanh toán: tại giấy tay sang nhượng thể hiện giá sang nhượng là 370.000.000 đồng, quá trình giải quyết và tại phiên tòa các bên thống nhất giá sang nhượng là 368.000.000 đồng. Ông **M** trình bày đã thanh toán xong toàn bộ số tiền 368.000.000 đồng cho ông **L** giao tiền 03 lần. Ông **L** thừa nhận có nhận tiền của ông **M** 02 lần tổng cộng 218.000.000 đồng, còn nợ 150.000.000 đồng. Ông **V**, bà **P** thống nhất lời trình bày của ông **L** về thỏa thuận mua bán và thực hiện hợp đồng. Xét chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là 02 giấy tay nhận tiền do ông **L** ký tổng số tiền là 218.000.000 đồng, **N** lời trình bày của mình ông **M** không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã đưa số tiền 150.000.000 đồng còn lại, do đó xác định số tiền các bên đã thanh toán là 218.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn đồng ý thanh toán cho bị đơn số tiền 150.000.000 đồng và giá trị trượt giá là 130.000.000 đồng, tổng công là 280.000.000 đồng; đại diện bị đơn đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với ông **Nguyễn Văn M**, giao ông **M** tiếp tục sử dụng phần đất đo đạc thực tế 1.082,2 m<sup>2</sup>, trong đó phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 750m<sup>2</sup>, tại thửa 85 tờ bản đồ 20B, và phần diện tích tăng 332,2m<sup>2</sup> thuộc thửa 90, tờ bản đồ 19 (thửa mới trùm luôn thửa 85 cũ).

Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận toàn bộ vụ án, là hai bên tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như thỏa thuận ban đầu, nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án sơ thẩm

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau. Nên người kháng cáo là ông **Nguyễn Văn M**; Ông **Nguyễn Phi V** và bà **Lê Thị Linh P**; ông **Nguyễn Phi L** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sửa bản án sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

### **2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

2.1. Ông **Nguyễn Phi V**, bà **Lê Thị Linh P** đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với ông **Nguyễn Văn M** và bà **Vũ Thị Thúy K** phần đất diện tích đất thực tế là 1.082,2 m<sup>2</sup> thuộc thửa 85 cũ, tờ bản đồ 20B (Thửa mới là 90, tờ bản đồ 19). Trong đó phần diện tích 750m<sup>2</sup> được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CH00487; số phát hành GCN:BD430952, cấp

ngày 05-8-2011; phần diện tích thực tế tăng thêm là 332,2m<sup>2</sup> và nhà trên đất, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Có tứ cận như sau:

- Đông giáp thửa đất 103 của bà Nguyễn Thị H1, dài 108,51 mét;
- Tây giáp thửa đất 91 của bà Nguyễn Thị L1, dài 107,24 mét;
- Nam giáp thửa đất 176 của bà Trần Thị H2, dài 10,35 mét;
- Bắc giáp đường nhựa, dài 10,51 mét.

Ông Nguyễn Văn M và bà Vũ Thị Thúy K được tiếp tục sử dụng phần đất nêu trên cùng ngôi nhà cấp 4 và cây trái trên đất.

Ông Nguyễn Văn M và bà Vũ Thị Thúy K có quyền liên hệ cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để kê khai đăng ký sử dụng phần đất nêu trên.

2.2. Ông Nguyễn Văn M và bà Vũ Thị Thúy K có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Phi V, bà Nguyễn Thị Linh P1 số tiền còn lại 150.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại do giá trị đất tăng lên là 130.000.000 đồng, tổng cộng là 280.000.000 đồng.

### 3. Án phí:

3.1. Về án phí sơ thẩm: ông M phải chịu 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0004694 ngày 09 tháng 01 năm 2024 và số tiền 9.473.000 đồng (chín triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004557 ngày 18/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Ông M còn phải nộp 4.227.000 đồng (Bốn triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn) đồng.

Ông L, ông V, bà P1 phải liên đới chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### 3.2. Về án phí phúc thẩm

Ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông đã nộp theo Biên lai thu số: 0004694 ngày 09-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Đã nộp xong.

Ông Nguyễn Phi V và bà Lê Thị Linh P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông đã nộp theo Biên lai thu số: 0004720 ngày 22-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Đã nộp xong.

Ông Nguyễn Phi L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông đã nộp theo Biên lai thu số: 0004719 ngày 22-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Đã nộp xong.

4. Về chi phí tố tụng khác: ông L, ông V, bà P có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông M số tiền 10.250.000 đồng (mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành án xong số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án

còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND.TTN;
- TAND. H.TBiên;
- Chi cục THADS. H.TBiên;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Diệp**





